

防範新型冠狀病毒肺炎 入境健康聲明卡

TỜ KHAI SỨC KHỎE NHẬP CẢNH THEO QUY ĐỊNH PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID-19

姓名 Họ và Tên	性別 ☐ 男性 ☐ 女性 ☐ 其他	Giới tính Nam Nữ Khác	身分證/護照號碼 Số chứng minh/Số hộ chiếu
航/船班 Chuyến bay		在臺聯絡電話 Số điện thoại liên lạc tại Đài Loan 手機 Cell _____ 市話 Tel _____	

請問您過去 14 天是否有下列情形 Trong 14 ngày gần đây bạn có những biểu hiện dưới đây hay không?

1. 有發燒、咳嗽或呼吸急促症狀 (已服藥者亦需填寫「是」)?

Có biểu hiện sốt, ho hoặc thở gấp không? (dù đã dùng thuốc điều trị vẫn phải điền 「Có」)

☐ 是 Có : ☐ 發燒 Sốt ☐ 咳嗽 Ho ☐ 呼吸急促 Thở gấp
☐ 否 Không

2. 去過哪些地區? Đi qua những nơi nào?

☐ 中國大陸, China :省份 Province _____
☐ 香港, Hong Kong ☐ 澳門, Macao ☐ 以上皆無 Không có những nơi nêu trên

★入境 14 天內若有出入公眾場所，請務必佩戴口罩！

★依傳染病防治法第 58 條規定，入境旅客應誠實填寫及繳交至疾管署檢疫站或入境證照查驗櫃檯，並配合必要檢疫措施；如有拒絕、規避妨礙或填寫不實者，依法處新臺幣 1-15 萬元罰鍰。

★ Nhập cảnh trong vòng 14 ngày nếu có đến nơi công cộng phải đeo khẩu trang!

★Chiếu theo điều 58 luật phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm, khách du lịch khi nhập cảnh phải thành thật khai báo và nộp tờ khai sức khỏe cho nhân viên kiểm dịch hoặc nhân viên kiểm tra nhập cảnh kiểm tra, và phối hợp thực hiện theo chính sách kiểm dịch. Nếu từ chối, né tránh hoặc điền không đúng sự thật sẽ bị phạt từ 1 vạn đến 15 vạn Đài Tệ.

旅客簽名 Ký tên	中央流行疫情指揮中心 衛生福利部疾病管制署 關心您 Thank you for your cooperation.
入境日期 Ngày nhập cảnh YYYY /MM /DD	Central Epidemic Command Center Taiwan Centers for Disease Control

請續填背面
Mời điền tiếp mặt sau

開南大學

防範嚴重特殊傳染性肺炎(武漢肺炎)-健康聲明卡

TỜ KHAI SỨC KHỎE THEO QUY ĐỊNH PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID-19

一、基本資料 Thông tin cơ bản

- ☐ 教師 giáo viên、☐ 職員 công nhân viên chức、☐ 學生 học sinh、☐ 其他 khác :
- 姓名 Họ và tên :
- 單位(系所、年級、班級)Đơn vị (khoa, năm học, lớp) :
- 學號(教職員免填) Mã số sinh viên :
☐ 住宿, 寢室號 Số phòng ký túc xá : ☐ 校外租屋 Ở trọ ☐ 住家裡(親友家) Ở nhà riêng (nhà người thân)
- 現住處地址 Địa chỉ hiện tại :
- 手機號碼 Số điện thoại :

二、旅遊史及健康狀況調查 Điều tra nhật ký du lịch và tình trạng sức khỏe :

- 自 109 年 2 月 3 日起至今是否有出國旅遊史? Từ ngày 03/02/2020 đến nay có đi du lịch nước ngoài không?
☐ 是(續答 2) Có (điền tiếp mục 2) ☐ 否(跳答 4) Không (điền tiếp từ mục 4)
- 出國地點 Quốc gia đã đi : 出國時間 Thời gian đi : 年 月
- 自何處入境 Từ đâu nhập cảnh vào Đài Loan : 入境時間 thời gian nhập cảnh : 年 月 日
- 是否曾接受居家隔離? Có từng tiếp nhận lệnh cách li tại nhà không?
☐ 是, 居家隔離原因 Có, nguyên nhân cách li :
☐ 新冠肺炎確診個案 Bị nhiễm COVID-19 ☐ 曾與確診個案接觸 Từng tiếp xúc với người nhiễm COVID-19
隔離期間為 Thời gian cách li từ : 從 109 年 月 日到 109 年 月 日
☐ 否 Không
- 是否曾接受居家檢疫? Có từng tiếp nhận kiểm dịch tại nhà không?
☐ 是 Có, 從 109 年 月 日到 109 年 月 日
☐ 否 Không
- 目前是否出現下列症狀? 有則打勾(可複選)
Hiện tại có những triệu chứng dưới đây không? Nếu có thì đánh dấu (có thể chọn nhiều mục) ☐ 無 không
☐ 發燒 Sốt ☐ 咳嗽 Ho ☐ 鼻塞流鼻水 Nghẹt mũi, sổ mũi ☐ 喉嚨痛 Đau họng
☐ 結膜炎 Viêm kết mạc ☐ 腹瀉 Tiêu chảy ☐ 其他 Biểu hiện khác :
- 以上填答屬實, 絕無虛假, 倘有造假, 依傳染病防治法懲處。

Những điều khai báo bên trên đều đúng sự thật, nếu có gì giả dối sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

切結簽名 Ký tên : 身分證字號 Số chứng minh : 填寫日期 : 年 月 日

學務處體育與衛生保健組